|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH LAI CHÂU  **SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  Số: 702/SVHTTDL-NVDL  V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Luật Du lịch | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Lai Châu, ngày 06 tháng 10 năm 2016* |

Kính gửi: ………………………………………………..

Thực hiện yêu cầu của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lai Châu về việc tham gia ý kiến vào Luật Du lịch tại kỳ họp Quốc hội tới đây.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị các Sở, Ban, Ngành tỉnh tham gia ý kiến vào dự thảo Luật Du lịch, truy cập trang web với tên miền: [**http://sovhttdl.laichau.gov.vn**](http://sovhttdl.laichau.gov.vn); trong mục: **Thông báo** để tải tài liệu “dự thảo Luật Du lịch”.

Các ý kiến tham gia bằng văn bản gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu (gửi trước file mềm qua Gmail: [dulichlaichau@gmail.com](mailto:dulichlaichau@gmail.com), điện thoại: 02313 877 727) trước ngày 11/10/2016 để tổng hợp, báo cáo gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lai Châu.

Kính mong sự hợp tác của quý cơ quan./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: VT, NVDL. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **(đã ký)**  **Hoàng Quốc Trung** |

|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**  Luật số : / /QH14 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO LẦN 5**

**SAU KHI TIẾP THU**

**Ý KIẾN CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ**

##### 

**LUẬT**

**DU LỊCH**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật du lịch.*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động du lịch và quản lý nhà nước về du lịch.

### Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan đến du lịch.

### Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Du lịch* là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 01 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tham dự hội nghị, hội thảo hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác.

2. *Ngành Du lịch* là ngành kinh tế tổng hợp, mang nội dung văn hóa sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, hội nhập quốc tế sâu rộng.

3. *Hoạt động du lịch* là hoạt động của khách du lịch, của tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến du lịch.

4. *Khách du* lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến.

5. *Tài nguyên du lịch* là các giá trị văn hóa và tự nhiên sử dụng cho mục đích du lịch.

6. *Khu du lịch* *quốc gia* là nơi có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan, giá trị văn hóa được quy hoạch, đầu tư phát triển tập trung nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường.

7. *Điểm du lịch* là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, được đầu tư phát triển phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

8. *Sản phẩm du lịch* là tập hợp các giá trị tài nguyên du lịch vàdịch vụ cần thiết nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch.

9. *Chương trình du lịch* là lịch trình, dịch vụ và giá bán được định trước cho chuyến đi của khách du lịch từ nơi xuất phát đến điểm kết thúc.

10.*Kinh doanh**lữ hành* là việc xây dựng, bán và tổ chức thực hiện một phần hoặc toàn bộ chương trình du lịch cho khách du lịch.

11. *Hướng dẫn du lịch* là hoạt động dẫn đoàn, cung cấp thông tin, kết nối dịch vụ phục vụ khách du lịch theo chương trình du lịch.

12. *Hướng dẫn viên du lịch* là người được cấp thẻ để hành nghề hướng dẫn du lịch.

13. *Cơ sở lưu trú du lịch* là cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú phục vụ khách du lịch.

14. *Xúc tiến du lịch* là hoạt động nghiên cứu thị trường, tổ chức tuyên truyền, quảng bá, vận động nhằm tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội phát triển và thu hút khách du lịch.

15. *Du lịch bền vững* là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường hiện tại, đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các bên tham gia hoạt động du lịch nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai.

16. *Môi trường du lịch* là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội nơi diễn ra các hoạt động du lịch.

17. *Nhân lực du lịch* là lao động trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến hoạt động du lịch.

### Nguyên tắc phát triển du lịch

1. Phát triển du lịch bền vững, theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm.

2. Bảo đảm hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường; tôn trọng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, tài nguyên thiên nhiên.

3. Bảo đảm chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

4. Bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng, quyền lợi và an toàn của khách du lịch, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch.

5. Phát triển đồng thời du lịch nội địa và du lịch quốc tế.

6. Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư trong phát triển du lịch.

7. Góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, tiếp thu kinh nghiệm, tinh hoa văn hóa của nhân loại.

### Chính sách phát triển du lịch

1. Nhà nước có cơ chế, chính sách huy động mọi nguồn lực, tăng đầu tư phát triển du lịch để bảo đảm du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

2. Nhà nước có chính sách phát triển du lịch bền vững, bảo vệ thiên nhiên và môi trường, giá trị văn hóa dân tộc.

3. Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển du lịch tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhằm sử dụng lao động, hàng hóa và dịch vụ tại chỗ, góp phần nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo.

4. Việc bố trí ngân sách nhà nước cho các hoạt động phát triển du lịch được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5. Nhà nước có chính sách khuyến khích đầu tư, xây dựng, phát triển các cơ sở đào tạo du lịch có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế; xây dựng bộ tiêu chuẩn nghề quốc gia, chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch, ngoại ngữ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

6. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch; công dân Việt Nam, người nước ngoài ở Việt Nam đi du lịch trong nước và nước ngoài; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của khách du lịch.

7. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư tham gia hoạt động du lịch, mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch.

8. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ, nhà nước có chính sách ưu đãi đầu tư cho ngành Du lịch.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch

1. Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch được thành lập để hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động du lịch Việt Nam.

2. Chính phủ quy định việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

### Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch

1. Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi từ hoạt động du lịch hợp pháp; được tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống; sản xuất hàng hóa phục vụ khách du lịch.

2. Cộng đồng dân cư có trách nhiệm tuân thủ pháp luật của nhà nước về bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường.

3. Cộng đồng dân cư tham gia các quan hệ pháp luật về du lịch thông qua người đại diện do cộng đồng dân cư ủy quyền bằng văn bản.

### Hội về du lịch

1. Hội về du lịch được thành lập trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lĩnh vực du lịch nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên và góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành Du lịch.

2. Hội về du lịch tham gia tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch; tham gia xây dựng, tuyên truyền, phổ biến, tổ chức triển khai, giám sát thi hành các quy định của pháp luật về du lịch; tham gia đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về du lịch.

3. Tổ chức và hoạt động của hội về du lịch thực hiện theo quy định của pháp luật.

### Bảo vệ môi trường du lịch

1. Môi trường tự nhiên, môi trường xã hội cần được bảo vệ, tôn tạo và phát huy, phát triển nhằm bảo đảm môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn, lành mạnh và văn minh.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ban hành các quy định nhằm bảo vệ, tôn tạo và phát triển môi trường du lịch.

3. Uỷ ban nhân dân các cấp có biện pháp bảo vệ, tôn tạo và phát triển môi trường du lịch phù hợp với thực tế của địa phương.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch có trách nhiệm bảo vệ, tôn tạo, phát triển và khắc phục tác động tiêu cực đối với môi trường du lịch; có biện pháp phòng, chống tệ nạn xã hội.

5. Khách du lịch, cộng đồng dân cư địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm bảo vệ và gìn giữ cảnh quan, môi trường, bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc; có thái độ ứng xử văn minh, lịch sự nhằm nâng cao hình ảnh đất nước, con người và du lịch Việt Nam.

### Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Làm phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Đưa khách du lịch đến khu vực cấm.

3. Lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người ra nước ngoài hoặc vào Việt Nam bất hợp pháp.

4. Xâm hại tài nguyên du lịch, môi trường du lịch.

5. Phân biệt đối xử với khách du lịch, thu lợi bất chính từ khách du lịch; tùy tiện thay đổi chương trình du lịch, cắt giảm tiêu chuẩn, dịch vụ của khách du lịch.

6. Hành nghề hướng dẫn du lịch khi không có thẻ hướng dẫn viên du lịch; cho người khác sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch của mình hoặc sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch của người khác; sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch đã hết hạn.

7. Tranh giành khách, ép khách mua hàng hóa, dịch vụ.

8. Sử dụng tư cách pháp nhân của tổ chức khác hoặc cho người khác sử dụng tư cách pháp nhân để hoạt động kinh doanh trái pháp luật; sử dụng người không có thẻ hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn khách du lịch.

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận hối lộ, sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, khách du lịch.

**CHƯƠNG II**

**KHÁCH DU LỊCH**

### Khách du lịch

Khách du lịch gồm:

1. Công dân Việt Nam đi du lịch trong nước.

2. Công dân Việt Nam đi du lịch nước ngoài.

3. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài đi du lịch Việt Nam.

4. Người nước ngoài vào Việt Nam đi du lịch.

5. Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam đi du lịch nước ngoài.

6. Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam đi du lịch Việt Nam.

### Quyền của khách du lịch

1. Sử dụng dịch vụ du lịch do tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ du lịch cung cấp hoặc tự tổ chức chương trình du lịch.

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch cung cấp thông tin về chương trình, dịch vụ, điểm đến du lịch theo hợp đồng đã ký kết.

3. Được tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, hải quan, lưu trú, đi lại trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp theo hợp đồng đã giao kết với tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung cấp dịch vụ du lịch.

5. Được đối xử bình đẳng; được bảo đảm an toàn về tính mạng, tài sản khi sử dụng dịch vụ du lịch; được cứu trợ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

6. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

7. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành vi vi phạm pháp luật về du lịch.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### Trách nhiệm của khách du lịch

1. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nơi đến du lịch; ứng xử văn minh, tôn trọng thuần phong mỹ tục, văn hóa bản địa, bảo vệ và giữ gìn tài nguyên du lịch; không gây phương hại đến hình ảnh quốc gia, truyền thống văn hóa dân tộc.

2. Thực hiện nội quy của khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thanh toán tiền dịch vụ theo hợp đồng, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự.

### Bảo đảm an toàn cho khách du lịch

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thông tin, áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn sức khoẻ, tính mạng, tài sản của khách du lịch; có biện pháp cứu hộ, cứu nạn kịp thời để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại đối với khách du lịch.

2. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập lực lượng chuyên trách hỗ trợ, bảo vệ khách du lịch.

3. Tại các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch có biện pháp phòng, tránh rủi ro và tổ chức bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung cấp dịch vụ du lịch có trách nhiệm cảnh báo nguy cơ gây nguy hiểm cho khách du lịch; thông báo, chỉ dẫn kịp thời cho khách du lịch về trường hợp khẩn cấp, dịch bệnh; áp dụng các biện pháp cần thiết, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch.

### Giải quyết kiến nghị của khách du lịch

1. Khu du lịch quốc gia, điểm du lịch tổ chức tiếp nhận và giải quyết kịp thời kiến nghị của khách du lịch trong phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận, xử lý kiến nghị của khách du lịch trên địa bàn.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, giám sát công tác giải quyết kiến nghị của khách du lịch tại địa phương; tiếp nhận và phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan giải quyết theo quy định.

**CHƯƠNG III**

**TÀI NGUYÊN DU LỊCH**

### Các loại tài nguyên du lịch

1. Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên và các yếu tố tự nhiên khácđượcsử dụng cho mục đích du lịch.

2. Tài nguyên du lịch văn hóa gồm các giá trị truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị văn hóa, di sản vật thể, phi vật thể khác được sử dụng cho mục đích du lịch.

### Điều tra tài nguyên du lịch

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước liên quan và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch để làm căn cứ quản lý, khai thác và phát huy giá trị tài nguyên du lịch.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### Trách nhiệm quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch

1. Nhà nước thống nhất quản lý tài nguyên du lịch trong phạm vi cả nước, có chính sách bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên du lịch để phát triển du lịch bền vững.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, khai thác hợp lý và phát huy tài nguyên du lịch.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý tài nguyên du lịch có trách nhiệm bảo vệ, đầu tư, tôn tạo tài nguyên du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho khách tham quan, thụ hưởng giá trị của tài nguyên du lịch.

4. Khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch.

5. Tổ chức, cá nhân trực tiếp sở hữu, quản lý tài nguyên du lịch có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nhà nước về du lịch có thẩm quyền trong việc bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch cho các mục tiêu kinh tế khác.

**CHƯƠNG IV  
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

### Quy hoạch phát triển du lịch

Quy hoạch phát triển du lịch là quy hoạch ngành được lập cho phạm vi cả nước, vùng du lịch, tỉnh, khu vực được định hướng trở thành khu du lịch quốc gia, điểm du lịch.

### Nguyên tắc xây dựng quy hoạch phát triển du lịch

1. Phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chiến lược phát triển ngành Du lịch và các quy hoạch khác đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo từng thời kỳ.

2. Bảo đảm chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Bảo tồn, phát huy giá trị tài nguyên văn hóa, tài nguyên thiên nhiên; đảm bảo phát triển bền vững.

### Nội dung quy hoạch phát triển du lịch

1. Xác định vị trí, vai trò và lợi thế của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng và địa phương.

2. Phân tích, đánh giá tiềm năng, hiện trạng tài nguyên du lịch, thị trường du lịch, các nguồn lực phát triển du lịch.

3. Xác định quan điểm, mục tiêu, tính chất, quy mô phát triển cho khu vực quy hoạch; dự báo các chỉ tiêu và luận chứng các phương án phát triển du lịch.

4. Tổ chức không gian du lịch; hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

5. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch, thị trường du lịch.

6. Xác định danh mục các khu vực, các dự án ưu tiên đầu tư; nhu cầu sử dụng đất, vốn đầu tư, nguồn nhân lực cho du lịch.

7. Đề xuất giải pháp bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, phát triển du lịch theo quy hoạch.

### Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Tổ chức lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch quốc gia, quy hoạch phát triển du lịch vùng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Tổ chức lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Thẩm định quy hoạch khu du lịch quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch khu du lịch quốc gia trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định;

b) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch điểm du lịch;

c) Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển du lịch cấp tỉnh sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch phát triển du lịch.

### Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển du lịch

1. Cơ quan lập quy hoạch phát triển du lịch có trách nhiệm công bố, cung cấp thông tin về quy hoạch đã được phê duyệt để các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện và tham gia giám sát việc thực hiện quy hoạch.

2. Các dự án phát triển du lịch, dự án có ảnh hưởng đến tài nguyên du lịch và các dự án khác có liên quan đến du lịch phải phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Uỷ ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình xác định quỹ đất dành cho công trình, kết cấu hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch trong khu du lịch theo quy hoạch phát triển du lịch đã được phê duyệt; không giao, cho thuê đất đối với dự án đầu tư trái quy hoạch, dự án đầu tư có ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên du lịch và môi trường.

4. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy hoạch phát triển du lịch đã được phê duyệt; không xâm chiếm mặt bằng, sử dụng trái phép đất đã được quy hoạch cho phát triển du lịch.

**CHƯƠNG V**

**KHU DU LỊCH QUỐC GIA, ĐIỂM DU LỊCH**

### Điều kiện công nhận khu du lịch quốc gia

1. Có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa, có khả năng thu hút khách du lịch.

2. Có diện tích tối thiểu một nghìn héc ta.

3. Có khả năng kết nối hệ thống hạ tầng quốc gia.

4. Có khả năng thu hút đầu tư phát triển hệ thống dịch vụ du lịch với quy mô lớn.

5. Có khả năng tiếp nhận tối thiểu từ năm trăm nghìn khách du lịch mỗi năm.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### Điều kiện công nhận điểm du lịch

1. Có tài nguyên du lịch hấp dẫn.

2. Có khả năng kết nối hệ thống hạ tầng quốc gia.

3. Có khả năng thu hút đầu tư, cung cấp dịch vụ du lịch.

4. Có khả năng tiếp nhận tối thiểu từ năm mươi nghìn khách du lịch mỗi năm.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### Thẩm quyền công nhận khu du lịch quốc gia, điểm du lịch

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên trên cơ sở đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định công nhận khu du lịch quốc gia trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận khu du lịch quốc gia

1. Hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia:

a) Văn bản đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia;

b) Bản thuyết minh về các điều kiện quy định tại Điều 24 Luật này.

2. Trình tự, thủ tục công nhận khu du lịch quốc gia:

a) Đối với khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, ban hành quyết định công nhận khu du lịch quốc gia.

b) Đối với khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận điểm du lịch

1. Hồ sơ đề nghị công nhận điểm du lịch bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận điểm du lịch;

b) Bản thuyết minh về các điều kiện quy định tại Điều 25 Luật này.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị công nhận điểm du lịch

Chủ thể quản lý hoặc chủ đầu tư điểm du lịch gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có điểm du lịch.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch.

### Nội dung quản lý khu du lịch quốc gia

1. Quản lý công tác quy hoạch và đầu tư phát triển.

2. Quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ.

3. Bảo vệ tài nguyên du lịch, vệ sinh môi trường, trật tự, an toàn xã hội.

4. Xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, hệ thống nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch.

5. Có các biện pháp phòng, tránh rủi ro và tổ chức bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch.

6. Tổ chức tiếp nhận và giải quyết kịp thời kiến nghị của khách du lịch trong phạm vi quản lý.

7. Thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### Nội dung quản lý điểm du lịch

1. Bảo vệ, phát triển tài nguyên du lịch; bảo đảm vệ sinh môi trường.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan.

3. Giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm an toàn cho khách du lịch.

4. Bảo đảm có nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch.

5. Có các biện pháp phòng, tránh rủi ro và tổ chức bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch.

6. Tổ chức tiếp nhận và giải quyết kịp thời kiến nghị của khách du lịch trong phạm vi quản lý.

### Quản lý khu du lịch quốc gia, điểm du lịch

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủquyết định mô hình tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, phù hợp với điều kiện thực tế tại khu du lịch.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mô hình tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia thuộc địa bàn và điểm du lịch sau khi có ý kiến của chủ thể quản lý hoặc chủ đầu tư điểm du lịch.

**CHƯƠNG VI**

**LỮ HÀNH, VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH**

**VÀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH**

**MỤC 1**

**LỮ HÀNH**

### Điều kiện kinh doanh lữ hành

1. Tổ chức, cá nhân được kinh doanh lữ hành khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Ký quỹ tại tổ chức tín dụng;

c) Có địa điểm kinh doanh.

2. Chính phủ quy định chi tiết các điểm b, c khoản 1 Điều này.

### Phạm vi kinh doanh lữ hành

Hoạt động kinh doanh lữ hành bao gồm:

1. Kinh doanh lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật này;

2. Kinh doanh lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quy định tại Điều 11 Luật này.

### Thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh lữ hành

1. Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính cấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa.

2. Tổng cục Du lịch cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

### Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy phép kinh doanh lữ hành

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành theo mẫu do Chính phủ quy định;

b) Giấy chứng nhận ký quỹ;

c) Giấy tờ chứng minh có địa điểm kinh doanh phù hợp.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép kinh doanh lữ hành

a) Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 34 Luật này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh lữ hành cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

### Cấp lại giấy phép kinh doanh lữ hành

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp giấy phép kinh doanh lữ hành bị mất, bị hư hỏng.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh lữ hành:

Doanh nghiệp gửi đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh lữ hành theo mẫu do Chính phủ quy định đến cơ quan đã cấp giấy phép. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép cấp lại giấy phép kinh doanh lữ hành cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### Cấp đổi giấy phép kinh doanh lữ hành

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh lữ hành trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi tên doanh nghiệp; loại hình doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh lữ hành;

b) Khi có sự tham gia góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài đối với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh lữ hành gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh lữ hành theo mẫu do Chính phủ quy định;

b) Giấy phép kinh doanh lữ hành đã được cấp cho doanh nghiệp;

c) Giấy tờ liên quan đến các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh lữ hành

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan cấp giấy phép để được cấp đổi.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép cấp đổi giấy phép kinh doanh lữ hành cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối cấp đổi Giấy phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### Phí thẩm định, cấp phép kinh doanh lữ hành

Phí thẩm định, cấp, cấp lại, cấp đổi giấy phép kinh doanh lữ hành thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí.

### Thu hồi giấy phép kinh doanh lữ hành

1. Các trường hợp thu hồi giấy phép kinh doanh lữ hành:

a) Giấy phép kinh doanh lữ hành được cấp không đúng thẩm quyền;

b) Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động;

c) Doanh nghiệp không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh lữ hành quy định tại các điểm b, c Điều 32 Luật này;

d) Doanh nghiệp vi phạm quy định tại các khoản 1, 3 và 8 Điều 10 Luật này;

đ) Doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại điểm m khoản 2 Điều 40 Luật này, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, sức khỏe và tính mạng của khách du lịch;

e) Doanh nghiệp giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh lữ hành;

g) Doanh nghiệp không đổi giấy phép quy định tại Điều 37 Luật này.

2. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của doanh nghiệp đối với khách du lịch trong trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản; trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh lữ hành.

### Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành

1. Quyền của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành

a) Xây dựng, quảng cáo, bán và tổ chức thực hiện các dịch vụ du lịch, chương trình du lịch;

b)Hỗ trợ khách du lịch làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, hải quan;

c) Tổ chức và tham gia các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch;

d) Tham gia hội về du lịch ở trong nước và ngoài nước;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành

a) Kinh doanh đúng phạm vi ghi trong giấy phép đã được cấp;

b) Bảo đảm duy trì các điều kiện kinh doanh lữ hành theo quy định tại Điều 32 Luật này;

c) Mua bảo hiểm du lịch cho khách du lịch trong thời gian thực hiện chương trình du lịch trừ trường hợp khách đã có bảo hiểm cho toàn bộ chương trình du lịch;

d) Chấp hành, thông tin cho khách du lịch về quy định, pháp luật hiện hành tại nơi đến du lịch trước và trong chuyến đi; có phương án quản lý đoàn khách trong thời gian du lịch;

đ) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn theo yêu cầu của khách du lịch; chịu trách nhiệm về hoạt động của hướng dẫn viên trong thời gian hướng dẫn khách du lịch theo hợp đồng với doanh nghiệp;

e) Gắn biển kinh doanh lữ hành tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng giao dịch;

g) Ký hợp đồng với khách du lịch khi cung cấp dịch vụ du lịch cho khách, ký hợp đồng đại lý lữ hành đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh đại lý lữ hành;

h) Báo cáo cơ quan cấp giấy phép và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong trường hợp chấm dứt hoạt động;

i) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định của pháp luật;

k) Lưu giữ chứng từ, tài liệu liên quan đến đoàn khách du lịch;

l) Niêm yết công khai giá, số lượng, chất lượng dịch vụ, hàng hoá cung cấp cho khách du lịch; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với khách du lịch; bồi thường thiệt hại cho khách du lịch theo quy định của pháp luật dân sự;

m) Áp dụng biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khoẻ, tài sản của khách du lịch; kịp thời thông báo cho cơ quan có trách nhiệm, khắc phục hậu quả tai nạn, rủi ro đối với khách du lịch;

n) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết các điểm e, k khoản 2 Điều này.

### Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh lữ hành

1. Nhà đầu tư nước ngoài được phép kinh doanh lữ hành tại Việt Nam theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, cổ phiếu hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam thành lập doanh nghiệp kinh doanh lữ hành tại Việt Nam theo cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 11 Luật này.

3. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi, thu hồi giấy phép kinh doanh lữ hành đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại các điều 32, 35, 36, 37, 38 và 39 Luật này.

4. Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành có vốn đầu tư nước ngoài có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quy định tại Điều 40 Luật này.

### Hợp đồng lữ hành

1. Hợp đồng lữ hành là sự thoả thuận giữa doanh nghiệp kinh doanh lữ hành với doanh nghiệp, khách du lịch, đại diện của khách du lịch về việc thực hiện chương trình du lịch.

2. Hợp đồng lữ hành phải được lập thành văn bản.

3. Ngoài nội dung của hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự, hợp đồng lữ hành còn có những nội dung sau đây:

a) Mô tả rõ ràng số lượng, chất lượng, thời gian, cách thức cung cấp dịch vụ trong chương trình du lịch;

b) Điều khoản loại trừ trách nhiệm trong trường hợp bất khả kháng;

c) Điều kiện và trách nhiệm tài chính liên quan đến việc thay đổi, bổ sung, huỷ bỏ hợp đồng;

d) Điều khoản về bảo hiểm cho khách du lịch.

4. Khách du lịch mua chương trình du lịch, dịch vụ du lịch thông qua đại lý lữ hành thì hợp đồng lữ hành là hợp đồng giữa khách du lịch và doanh nghiệp kinh doanh lữ hành giao đại lý, đồng thời có ghi tên, địa chỉ của đại lý lữ hành.

### Kinh doanh đại lý lữ hành

1. Kinh doanh đại lý lữ hành là việc tổ chức, cá nhân nhận bán chương trình du lịch của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho khách du lịch để hưởng hoa hồng.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh đại lý lữ hành phải đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền và có hợp đồng đại lý với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

### Hợp đồng đại lý lữ hành

1. Hợp đồng đại lý lữ hành phải được lập thành văn bản giữa bên giao đại lý là doanh nghiệp kinh doanh lữ hành và bên nhận đại lý lữ hành.

2. Nội dung chủ yếu của hợp đồng đại lý lữ hành bao gồm:

a) Tên, địa chỉ của bên giao đại lý và bên nhận đại lý;

b) Chương trình du lịch, giá bán chương trình du lịch được giao cho đại lý, mức hoa hồng đại lý, thời điểm thanh toán;

c) Quyền và trách nhiệm các bên;

d) Thời hạn hiệu lực của hợp đồng đại lý.

### Trách nhiệm của bên giao đại lý lữ hành

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của bên nhận đại lý lữ hành.

2. Tổ chức thực hiện chương trình du lịch do bên nhận đại lý lữ hành bán; chịu trách nhiệm với khách du lịch về chương trình du lịch giao cho bên nhận đại lý lữ hành.

3. Hướng dẫn, cung cấp cho bên nhận đại lý lữ hành thông tin liên quan đến chương trình du lịch.

### Trách nhiệm của đại lý lữ hành

1. Treo biển đại lý lữ hành ở vị trí dễ nhận biết tại trụ sở đại lý.

2. Thông báo cho Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh, địa điểm kinh doanh, thông tin về doanh nghiệp giao đại lý lữ hành.

3. Bán chương trình du lịch đúng nội dung và đúng giá như hợp đồng; không được tổ chức thực hiện chương trình du lịch.

4. Lập và lưu giữ hồ sơ quản lý khách du lịch.

### Văn phòng đại diện của doanh nghiệp lữ hành nước ngoài tại Việt Nam

Việc thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện doanh nghiệp lữ hành nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**MỤC 2**

**VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH**

### Kinh doanh vận tải khách du lịch

1. Kinh doanh vận tải khách du lịch là việc cung cấp dịch vụ vận tải cho khách du lịch theo chương trình du lịch và tại các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch.

2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về chất lượng dịch vụ vận tải khách du lịch.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điểm dừng, đỗ thuận lợi cho các phương tiện vận tải khách du lịch.

### Biển hiệu cho phương tiện vận tải khách du lịch

1. Phương tiện vận tải khách du lịch đáp ứng các điều kiện sau đây được cấp biển hiệu:

a) Đạt tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Có trang thiết bị tiện nghi, chất lượng dịch vụ theo quy định;

c) Người điều khiển và người phục vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch có chuyên môn, sức khoẻ phù hợp, được bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch, ngoại ngữ theo quy định.

2. Phương tiện vận tải khách du lịch có biển hiệu được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách du lịch tại bến xe, nhà ga, sân bay, bến cảng, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch và hoạt động không hạn chế thời gian trên các tuyến giao thông dẫn tới các điểm tham quan du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm cung ứng dịch vụ du lịch.

3. Chính phủ quy định về cấp biển hiệu cho phương tiện kinh doanh vận tải khách du lịch.

### Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải khách du lịch

1. Vận tải khách du lịch theo hợp đồng với khách du lịch hoặc doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

2. Mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận tải.

3. Gắn biển hiệu vận tải khách du lịch ở nơi dễ nhận biết trên phương tiện vận tải.

4. Áp dụng biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khoẻ, tài sản của khách du lịch.

**MỤC 3**

**HƯỚNG DẪN DU LỊCH**

### Hướng dẫn viên du lịch, thẻ hướng dẫn viên du lịch

1. Hướng dẫn viên du lịch bao gồm hướng dẫn viên theo chương trình du lịch và hướng dẫn viên tại điểm.

2. Điều kiện hành nghề hướng dẫn du lịch

a) Có thẻ hướng dẫn viên du lịch;

b) Có hợp đồng lao động với doanh nghiệp lữ hành hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ hướng dẫn hoặc là thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch;

c) Sử dụng ngôn ngữ phù hợp khi hướng dẫn khách du lịch.

3. Thẻ hướng dẫn viên du lịch

a) Thẻ hướng dẫn viên du lịch gồm thẻ dành cho hướng dẫn viên theo chương trình du lịch và thẻ dành cho hướng dẫn viên tại điểm;

b) Thẻ hướng dẫn viên du lịch có thời hạn 05 năm.

c) Phí thẩm định, cấp lại, cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí.

4. Thẩm quyền cấp và quản lý thẻ hướng dẫn viên du lịch

a) Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch và cập nhật thông tin hướng dẫn viên du lịch vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử;

b) Tổng cục Du lịch xây dựng, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về đội ngũ hướng dẫn viên du lịch.

### Điều kiện cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch

1. Điều kiện cấp thẻ hướng dẫn viên theo chương trình du lịch

Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên theo chương trình du lịch phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng các chất gây nghiện;

c) Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành hướng dẫn du lịch trở lên; đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành khác trở lên cần có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch;

d) Sử dụng thành thạo ngôn ngữ đăng ký hành nghề.

2. Điều kiện cấp thẻ hướng dẫn viên tại điểm

Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên tại điểm phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này;

b) Am hiểu về khu du lịch, điểm du lịch nơi thực hiện hoạt động hướng dẫn;

c) Có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

3. Chính phủ quy định chi tiết về chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch

1. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch theo mẫu do Chính phủ quy định;

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

c) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chứng minh điều kiện quy định tại các điểm c, d khoản 1 và các điểm b, c khoản 2 Điều 52 Luật này. Văn bằng, chứng chỉ do cơ quan nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá ba tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Hai ảnh màu chân dung cỡ 4cm x 6cm chụp trong thời gian không quá sáu tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

2. Trình tự, thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch

Người đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch thống nhất trên cả nước.

### Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch

1. Hướng dẫn viên làm thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch trước khi thẻ hướng dẫn viên du lịch hết hạn sử dụng.

2. Hồ sơ cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch

a) Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch theo mẫu do Chính phủ quy định;

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

c) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá ba tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Hai ảnh màu chân dung cỡ 4cm x 6cm chụp trong thời gian không quá sáu tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp.

3. Trình tự, thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch:

a) Người đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

### Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch

1. Thẻ hướng dẫn viên du lịch được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch

a) Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch theo mẫu do Chính phủ quy định;

b) Hai ảnh màu chân dung cỡ 4cm x 6cm chụp trong thời gian không quá sáu tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

3. Trình tự, thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch

Người đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan cấp thẻ.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

### Thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch

1. Thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch trong các trường hợp sau:

a) Hướng dẫn viên du lịch vi phạm các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 10 Luật này;

b) Không đảm bảo điều kiện cấp thẻ theo quy định tại Điều 52 Luật này;

c) Giả mạo hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn viên du lịch bị thu hồi thẻ chỉ được xem xét cấp thẻ mới sau thời hạn 12 tháng, kể từ ngày bị thu hồi thẻ.

### Quyền và nghĩa vụ của hướng dẫn viên du lịch

1. Hướng dẫn viên du lịch có các quyền sau:

a) Tham gia tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch;

b) Nhận lương, thù lao theo hợp đồng;

c) Trong trường hợp khẩn cấp hoặc bất khả kháng, được quyền thay đổi chương trình du lịch, điều chỉnh tiêu chuẩn, dịch vụ của khách du lịch và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; báo cáo với người điều hành của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành khi điều kiện cho phép.

d) Hướng dẫn viên theo chương trình du lịch được hướng dẫn cho khách du lịch trong phạm vi toàn quốc; hướng dẫn viên tại điểm được hướng dẫn cho khách du lịch trong phạm vi điểm du lịch.

2. Hướng dẫn viên du lịch có các nghĩa vụ sau đây:

a) Hướng dẫn khách du lịch theo nhiệm vụ được giao hoặc theo hợp đồng đã ký với doanh nghiệp;

b) Tuân thủ và hướng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật Việt Nam, nội quy nơi đến tham quan; tôn trọng phong tục, tập quán của địa phương;

c) Thông tin cho khách du lịch về chương trình du lịch, dịch vụ và các quyền lợi hợp pháp của khách du lịch;

d) Hướng dẫn khách du lịch theo đúng chương trình du lịch, có thái độ văn minh, tận tình và chu đáo với khách; báo cáo người có thẩm quyền quyết định thay đổi chương trình du lịch trong trường hợp khách du lịch có yêu cầu;

đ) Có trách nhiệm hỗ trợ trong việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khoẻ, tài sản của khách du lịch;

e) Đeo thẻ hướng dẫn viên trong khi hành nghề hướng dẫn du lịch.

### Trách nhiệm quản lý hướng dẫn viên

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, hoạt động hướng dẫn du lịch trên phạm vi toàn quốc.

2. Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, hoạt động hướng dẫn du lịch trên địa bàn.

3. Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, đơn vị cung ứng dịch vụ hướng dẫn du lịch có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của hướng dẫn viên trong việc tuân thủ pháp luật và hợp đồng lao động đã ký với khách du lịch;

b) Chịu trách nhiệm về những vi phạm của hướng dẫn viên theo hợp đồng đã ký với khách du lịch;

c) Bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kỹ năng hành nghề hướng dẫn.

4. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch có trách nhiệm:

a) Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hướng dẫn viên;

b) Giám sát hoạt động của thành viên trong việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Điều lệ của tổ chức và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp hướng dẫn viên; xử lý kỷ luật đối với hướng dẫn viên; đề nghị cơ quan cấp thẻ thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch;

c) Bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kỹ năng hành nghề hướng dẫn;

d) Hòa giải tranh chấp giữa thành viên và khách du lịch; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

**CHƯƠNG VII**

**CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH,**

**KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁC**

**MỤC 1**

**CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH**

### Các loại cơ sở lưu trú du lịch

1. Khách sạn.
2. Biệt thự du lịch.
3. Căn hộ du lịch.
4. Tàu thủy lưu trú du lịch.
5. Bãi cắm trại du lịch.
6. Nhà nghỉ.
7. Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.
8. Các cơ sở lưu trú du lịch khác.

### Điều kiện kinh doanh lưu trú du lịch

1. Có đăng ký kinh doanh.
2. Đáp ứng điều kiện về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

### Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch

1. Việc xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện.

2. Cơ sở lưu trú du lịch gồm khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch được xếp theo năm hạng: hạng 1 sao, hạng 2 sao, hạng 3 sao, hạng 4 sao, hạng 5 sao.

3. Cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng theo tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch.

4. Thẩm quyền công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch:

a) Tổng cục Du lịch thẩm định, công nhận cơ sở lưu trú du lịch hạng 4 sao, hạng 5 sao;

b) Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, công nhận cơ sở lưu trú du lịch hạng 1 sao, hạng 2 sao, hạng 3 sao.

5. Hồ sơ đăng ký công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch

a) Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch theo mẫu do Chính phủ quy định;

b) Biểu kê khai chất lượng cơ sở lưu trú du lịch quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch;

c) Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch;

d) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng các bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch.

6. Trình tự, thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch:

a) Người đại diện theo pháp luật của cơ sở lưu trú du lịch gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Trong thời hạn ba mươi ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thẩm định và thông báo kết quả cho cơ sở lưu trú du lịch.

7. Phí thẩm định, phân hạng cơ sở lưu trú du lịch thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí.

8. Giám sát chất lượng hạng cơ sở lưu trú du lịch đã được công nhận

a) Tổng cục Du lịch hướng dẫn, giám sát việc thẩm định, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch đảm bảo thống nhất trong phạm vi cả nước; tổ chức giám sát chất lượng hạng cơ sở lưu trú du lịch đã được công nhận;

b) Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức giám sát chất lượng hạng cơ sở lưu trú du lịch đã được công nhận trên địa bàn.

9. Thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch

Cơ quan nhà nước theo thẩm quyền thu hồi quyết định công nhận hạng đối với những cơ sở lưu trú du lịch không duy trì chất lượng theo tiêu chuẩn đã được công nhận.

10. Thay đổi hạng cơ sở lưu trú du lịch

Hồ sơ, trình tự, thủ tục thay đổi hạng cơ sở lưu trú du lịch thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này.

11. Biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch

a) Biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch được gắn ở khu vực cửa chính của cơ sở lưu trú du lịch;

b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.

### Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh lưu trú du lịch

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh lưu trú du lịch có quyền sau:

a) Từ chối tiếp nhận đối với khách có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy của cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở lưu trú du lịch không còn khả năng đáp ứng yêu cầu của khách;

b) Huỷ bỏ hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với khách có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy của cơ sở lưu trú du lịch;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh lưu trú du lịch có các nghĩa vụ sau:

a) Treo biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch và quảng cáo đúng với loại, hạng đã được công nhận;

b) Niêm yết công khai giá bán hàng và dịch vụ, nội quy của cơ sở lưu trú du lịch bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

c) Duy trì chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo đúng loại, hạng đã được công nhận;

d) Bồi thường cho khách về thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**MỤC 2  
KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁC**

### Kinh doanh dịch vụ du lịch khác

Kinh doanh dịch vụ du lịch khác bao gồm kinh doanh ăn uống, mua sắm, thể thao, giải trí, thông tin, chăm sóc sức khỏe phục vụ khách du lịch.

### Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

1. Việc cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện.

2. Cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác được cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo tiêu chí do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và ban hành.

3. Thẩm quyền cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch:

Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

4. Hồ sơ đăng ký cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

a) Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo mẫu do Chính phủ quy định;

b) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trình tự, thủ tục cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch:

a) Người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác gửi 01bộ hồ sơ đến Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi cơ sở có địa điểm kinh doanh;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thẩm định và cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và thông báo lý do.

6. Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức giám sát chất lượng cơ sở kinh doanh du lịch đạt tiêu chuẩn đã được cấp biển hiệu trên địa bàn và thu hồi biển hiệu trong trường hợp cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch không bảo đảm các tiêu chí theo quy định.

7. Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí.

### Quyền và nghĩa vụ của cơ sở được cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

1. Được tham gia các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch do các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương tổ chức.

2. Được treo biển đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch và sử dụng danh hiệu này để quảng cáo, thu hút khách du lịch.

3. Được đưa vào cơ sở dữ liệu xúc tiến du lịch quốc gia.

4. Đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong suốt quá trình kinh doanh.

5. Đảm bảo chất lượng dịch vụ, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa; niêm yết giá công khai.

**CHƯƠNG VIII**

**XÚC TIẾN DU LỊCH, HỢP TÁC**

**VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH**

**MỤC 1**

**XÚC TIẾN DU LỊCH**

### Nội dung xúc tiến du lịch

1. Quảng bá, giới thiệu về hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, danh lam thắng cảnh, di sản văn hoá, di tích lịch sử, công trình lao động sáng tạo của con người, bản sắc văn hoá dân tộc cho nhân dân trong nước và cộng đồng quốc tế; góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam, tăng cường thu hút khách du lịch.

2. Xây dựng, phát triển thương hiệu du lịch quốc gia, vùng, địa phương, doanh nghiệp; xây dựng, quảng bá sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách du lịch.

3. Nâng cao nhận thức xã hội về du lịch góp phần tạo môi trường du lịch văn minh, lành mạnh, an toàn, phát huy truyền thống mến khách của dân tộc.

4. Vận động, tìm kiếm cơ hội, tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; đa dạng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

### Chính sách xúc tiến du lịch

1. Nhà nước đảm bảo ngân sách cho hoạt động xúc tiến điểm đến du lịch quốc gia, du lịch vùng, du lịch địa phương.

2. Nhà nước khuyến khích thành lập quỹ cho xúc tiến du lịch; huy động các nguồn lực hợp pháp khác trong và ngoài nước phục vụ xúc tiến du lịch.

### Trách nhiệm về xúc tiến du lịch

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình xúc tiến du lịch quốc gia; điều phối các hoạt động xúc tiến du lịch liên vùng, liên tỉnh.

2. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp theo thẩm quyền và chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình xúc tiến du lịch theo lĩnh vực và địa bàn quản lý phù hợp với chiến lược, kế hoạch, chương trình xúc tiến du lịch quốc gia.

3. Hiệp hội du lịch, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân liên quan chủ động thực hiện xúc tiến du lịch trong và ngoài nước phù hợp với chiến lược, kế hoạch, chương trình xúc tiến du lịch quốc gia.

**MỤC 2**

**HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH**

### Nội dung hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch

1. Tham gia xây dựng, áp dụng, thực hiện và tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cam kết và thông lệ quốc tế về du lịch và các lĩnh vực liên quan.

2. Trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp, hỗ trợ thực hiện về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; quảng bá, xúc tiến; thống kê; quy hoạch; khoa học và công nghệ; quản lý tài nguyên và kinh doanh dịch vụ du lịch; tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch và các hoạt động khác trong lĩnh vực du lịch.

3. Phổ biến, tuyên truyền về định hướng, chính sách phát triển du lịch của Việt Nam tới cộng đồng quốc tế.

4. Các hoạt động khác đáp ứng yêu cầu hội nhập và hợp tác quốc tế.

### Nguyên tắc hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch

1. Đảm bảo lợi ích quốc gia, hội nhập chủ động và nhất quán để phát triển du lịch, nâng cao vị thế quốc tế của Du lịch Việt Nam.

2. Góp phần củng cố hòa bình, tăng cường tình hữu nghị, hiểu biết, đoàn kết với các dân tộc trên thế giới.

### Chính sách hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch

1. Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch.

2. Nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động ký kết và thực hiện điều ước quốc tế về du lịch.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân chủ động đề xuất, tham gia, thực hiện các nội dung hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch.

### Trách nhiệm hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo chức năng và trong phạm vi phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm đại diện cho Việt Nam trong hợp tác du lịch song phương, đa phương với cơ quan du lịch quốc gia của nước ngoài và các tổ chức du lịch quốc tế và khu vực.

2. Các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp theo phạm vi chức năng và thẩm quyền thực hiện các nội dung hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch theo lĩnh vực, địa bàn.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các cam kết quốc tế về du lịch; chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực du lịch theo quy định của pháp luật.

### Văn phòng đại diện của cơ quan du lịch của nước ngoài, của tổ chức du lịch quốc tế và khu vực tại Việt Nam

1. Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập văn phòng đại diện của cơ quan du lịch của nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực tại Việt Nam theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng đại diện của cơ quan du lịch của nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực tại Việt Nam được hợp pháp hóa lãnh sự, gồm:

a) Đơn đề nghị thành lập văn phòng đại diện theo mẫu do Chính phủ quy định;

b) Bản sao quyết định thành lập cơ quan du lịch của nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực;

c) Bản sao quyết định thành lập văn phòng đại diện;

d) Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện.

3. Trình tự, thủ tục

a) Người đứng đầu văn phòng đại diện gửi 01 hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo cho người đứng đầu văn phòng đại diện.

**CHƯƠNG IX**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH**

### Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về du lịch.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về du lịch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản l‎ý nhà nước về du lịch.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và theo sự phân công của Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thực hiện quản lý nhà nước về du lịch.

4. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và theo sự phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương; cụ thể hóa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển du lịch phù hợp với thực tế tại địa phương và có biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch.

### Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch.

2. Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về du lịch.

3. Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn về du lịch.

4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về du lịch.

5. Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ.

6. Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch để xây dựng quy hoạch phát triển du lịch, xác định khu du lịch quốc gia, điểm du lịch.

7. Tổ chức thực hiện hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch; hoạt động xúc tiến du lịch ở trong nước và nước ngoài**.**

8. Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, sự phối hợp của các cơ quan nhà nước trong quản lý nhà nước về du lịch.

9. Cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về hoạt động du lịch.

10. Kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch.

11. Xây dựng cơ chế xã hội hóa các hoạt động đầu tư, phát triển sản phẩm, quảng bá xúc tiến, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

12. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch.

### Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch của các bộ, ngành liên quan

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội về du lịch và hiệu quả hoạt động xúc tiến du lịch trong và ngoài nước.

2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch xuất cảnh, nhập cảnh; đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh phát triển hạ tầng giao thông, nâng cao năng lực vận chuyển, ban hành quy định hướng dẫn hoạt động vận tải khách du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực du lịch.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành liên quan trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động xúc tiến du lịch quốc gia, Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

6. Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công Thương phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch ở nước ngoài.

7. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ; tổ chức các chương trình kích cầu du lịch.

8. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành liên quan thẩm định, ban hành tiêu chuẩn nghề du lịch quốc gia, chương trình đào tạo nghề du lịch, chương trình đào tạo chuyên ngành du lịch có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

9. Bộ Y tế phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, ban hành chính sách tạo điều kiện phát triển các loại hình du lịch chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong các cơ sở dịch vụ du lịch; tổ chức dịch vụ cấp cứu y tế tại các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch có số lượng khách du lịch lớn.

10. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành liên quan hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường du lịch.

11. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực du lịch.

### Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, đặc biệt tại các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch, nơi tập trung nhiều khách du lịch; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý tình trạng cướp giật, đeo bám, quấy rối khách du lịch.

2. Đảm bảo vệ sinh, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch, khu phố trung tâm ẩm thực; tổ chức thu gom và xử lý rác thải, nước thải.

3. Tuyên truyền vận động nhân dân tham gia phong trào ứng xử văn minh, tận tình hỗ trợ khách du lịch, cải thiện môi trường tại nơi công cộng, bãi biển, giữ gìn vệ sinh chung.

4. Tổ chức rà soát, lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn giao thông rõ ràng, phù hợp bảo đảm an toàn, phòng ngừa ùn tắc, tạo điều kiện cho khách du lịch tiếp cận các khu, điểm du lịch.

5. Tổ chức tiếp nhận và giải quyết kịp thời yêu cầu, kiến nghị của khách du lịch.

**CHƯƠNG X**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### ****Điều khoản chuyển tiếp****

1. Doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế phải làm thủ tục chuyển đổi giấy phép trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

2. Hướng dẫn viên du lịch đã được cấp thẻ hướng dẫn viên phải làm thủ tục chuyển đổi thẻ hướng dẫn viên theo chương trình du lịch trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Cơ sở lưu trú du lịch:

a) Cơ sở lưu trú du lịch đã được công nhận hạng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được sử dụng biển công nhận hạng đến hết thời hạn quy định trong quyết định;

b) Cơ sở lưu trú du lịch đã hết thời hạn công nhận hạng, cơ sở lưu trú du lịch chưa xếp hạng thực hiện theo quy định của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2018.

2. Luật du lịch số 44/2005/QH11 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2017.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Thị Kim Ngân** |